| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2026/HSST
Ngày: 06 - 3 - 2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Minh Trinh

Ông Huỳnh Thanh Trà

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Viết Sĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T - Sinh ngày 05 tháng 8 năm 2001 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: K L, phường H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (*Sinh năm 1969*) và bà Lâm Thị Huyền T1 (*Sinh năm 1976*); tiền án: Chưa; tiền sự: Ngày 12 tháng 12 năm 2024, bị Công an quận T (*C), thành phố Đà Nẵng* xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) về hành vi trộm cắp tài sản (*Chưa chấp hành*); hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm khi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt*).

*- Bị hại:*

+ Ông Nguyễn T2, sinh năm 1968; nơi cư trú: A L, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*);

+ Ông Trần Văn V, sinh năm 1972; nơi cư trú: H H, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*);

+ Ông Lê H1, sinh năm 1968; nơi cư trú: G Đô Đốc L, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*);

+ Bà Hồ Thị Thanh H2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*);

+ Bà Ngô Thị A, sinh năm 1967; nơi cư trú: C M, phường H, thành phố

Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*);

+ Bà Hồ Thị Bích T3, sinh năm 1991; nơi cư trú: B P, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*);

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; nơi cư trú: K L, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*);

+ Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1979; nơi cư trú: 1 H, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2025, trên địa bàn phường H, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Hữu T đã nhiều lần dùng xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, biển số 43X7-0458 đi trộm cắp bia của các tiệm tạp hóa, quán nhậu để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi trộm được bia, T đem đến các quán tạp hóa khác, nói nhà đám giỗ còn dư nên chủ quán đồng ý mua. Cụ thể:

*Lần 1:* Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2025, T điều khiển xe đến tiệm tạp hóa của bà Ngô Thị A tại C Mẹ T, phường H, thành phố Đà Nẵng, trộm cắp 04 (*Bốn*) thùng bia hiệu Tiger, màu trắng, loại lon 250ml. Sau đó, T bán được 950.000 đồng (*Chín trăm năm mươi ngàn đồng*), (*Không nhớ địa chỉ nơi bán*).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản - UBND phường H, thì: 04 thùng bia hiệu Tiger nêu trên trị giá 1.072.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng*).

*Lần 2:* Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 07 tháng 7 năm 2025, T đến tiệm tạp hóa của bà Hồ Thị Thanh H2 trên đường Q, thuộc tổ dân phố C, phường H, thành phố Đà Nẵng, trộm cắp 02 (*Hai*) thùng bia hiệu Tiger, màu trắng, loại lon 330ml. Sau đó, T bán được 700.000 đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*), (*Không nhớ địa chỉ nơi bán*).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản - UBND phường H, thì: 02 thùng bia hiệu Tiger nêu trên trị giá 780.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi ngàn đồng*).

*Lần 3:* Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 26 tháng 7 năm 2025, T đến quán N1 của ông Lê H1 tại số G đường Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng, trộm cắp 03 (*Ba*) thùng bia hiệu Tiger, màu trắng, loại lon 330ml. Sau đó, bán được

1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*), (*Không nhớ địa chỉ nơi bán*).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản - UBND phường H, thì: 03 thùng bia hiệu Tiger nêu trên có trị giá 1.170.000 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng*).

*Lần 4:* Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25 tháng 9 năm 2025, T đến tiệm tạp hóa của ông Trần Văn V tại nhà số H H, phường H, thành phố Đà Nẵng, trộm cắp 03 (*Ba*) thùng bia hiệu Huda, loại lon 330ml, màu xanh. Sau đó, T bán được 700.000 đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*), (*Không nhớ địa chỉ nơi bán*).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản - UBND phường H, thì: 03 thùng bia hiệu Huda nêu trên trị giá 807.000 đồng (*T4 trăm lẻ bảy ngàn đồng*).

*Lần 5:* Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 11 tháng 10 tháng 2025, T đến tiệm tạp hóa của ông Nguyễn T2 tại A L, phường H, thành phố Đà Nẵng, trộm cắp 05 (*Năm*) thùng bia hiệu Larue, loại lon 330ml, màu trắng đem đến tiệm T8 tại B P, phường H, thành phố Đà Nẵng, do bà Hồ Thị Bích T3 làm chủ, bán được 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm ngàn đồng*). Ngay sau đó, T quay lại tiếp tục trộm cắp của ông Nguyễn T2 03 (*Ba*) thùng bia hiệu Tiger, loại lon 250ml, màu trắng, đem đến tiệm T9 tại C T, phường H, thành phố Đà Nẵng, do bà Phạm Thị N làm chủ, bán được 660.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản - UBND phường H, thì: 05 thùng bia hiệu Larue nêu trên trị giá 1.295.000 đồng và 03 thùng bia hiệu Tiger nêu trên trị giá 804.000 đồng, tổng cộng là 2.099.000 đồng (*Hai triệu không trăm chín mươi chín ngàn đồng*).

Khi bán bia cho bà T3 và bà N thì T nói bia nhà đám giỗ dư nên bán lại, bà T3 và bà N không biết là do T trộm cắp mà có nên mới mua. Còn những lần bán trên, theo T khai thì các tiệm tạp hóa trên đường T, mỗi chỗ T chỉ bán một lần, thời gian lâu và vào buổi tối nên không nhớ địa chỉ.

Tổng cộng T đã thực hiện 06 (*S*) lần trộm cắp bia với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.928.000 đồng (*Năm triệu chín trăm hai mươi tám ngàn đồng*).

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, màu đen, biển số 43X7-0458, số khung: 795407, số máy: 5403591;

- 05 (*Năm*) thùng bia hiệu Larue, loại lon 330ml, thùng có 24 lon;

- 03 (*Ba*) thùng bia hiệu Tiger, loại lon 250ml, thùng có 24 lon;

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại - ông Nguyễn T2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường, có đơn xin bãi nại.

- Các bị hại - bà Ngô Thị A yêu cầu bị cáo bồi thường 1.072.000 đồng, bà Hồ Thị Thanh H2 yêu cầu bị cáo bồi thường 780.000 đồng, ông Lê H1 yêu cầu bị cáo bồi thường 1.170.000 đồng và ông Trần Văn V yêu cầu bị cáo bồi thường 807.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 12 (*Mười hai*) đến 15 (*Mười lăm*) tháng tù; về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bà Ngô Thị A 1.072.000 đồng, bà Hồ Thị Thanh H3 780.000 đồng, ông Lê H1 1.170.000 đồng và ông Trần Văn V 807.000 đồng; về xử lý vật chứng: Không đề nghị giải quyết; không đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm và không có ý kiến tranh luận với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo xin lỗi các bị hại; hứa sẽ bồi thường, khắc phục hậu quả; xin được hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền tiêu xài, từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2025, trên địa bàn phường H, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Hữu T đã 06 lần trộm cắp tài sản. Cụ thể: Trộm cắp của bà Ngô Thị A 04 (*Bốn*) thùng bia hiệu Tiger, loại lon 250ml,

trị giá 1.072.000 đồng; trộm cắp của bà Hồ Thị Thanh H2 02 (*Hai*) thùng bia hiệu Tiger, loại lon 330ml, trị giá 780.000 đồng; trộm cắp của ông Lê H1 03 (*Ba*) thùng bia hiệu Tiger, loại lon 330ml, trị giá 1.170.000 đồng; trộm cắp của ông Trần Văn V 03 thùng bia hiệu Huda, loại lon 330ml, trị giá 807.000 đồng; trộm cắp của ông Nguyễn T2 05 thùng bia hiệu Larue, loại lon 330ml, trị giá 1.295.000 đồng và 03 (*Ba*) thùng bia hiệu Tiger, loại lon 250ml, trị giá 804.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.928.000 đồng.

Bị cáo T thực hiện 06 lần trộm cắp, mỗi lần đều dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị Công an quận T (cũ) xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 442/QĐ-XPHC ngày 12 tháng 12 năm 2024. Bị cáo T chưa chấp hành quyết định, chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử lý hành chính, nhưng tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[3] Hành vi của bị cáo T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo có sự chuẩn bị cho hành vi phạm tội, lựa chọn địa điểm phường H - cách xa nơi ở của bị cáo, thời gian tầm chiều tối lợi dụng tài sản không có người trông coi, chọn trộm cắp bia để dễ dàng di chuyển và dễ bán lại cho các tiệm tạp hóa khác. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử mức án nghiêm, cách ly khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo đã ăn năn hối cải nên thành khẩn khai báo, ân hận với lỗi lầm, xin lỗi các bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét bị cáo thực hiện 06 lần trộm cắp với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.928.000 đồng, tài sản mỗi lần trộm cắp đều dưới 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt cho bị cáo dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại - ông Nguyễn T2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Các bị hại, gồm: Bà Ngô Thị A yêu cầu bị cáo bồi thường 1.072.000 đồng, bà Hồ Thị Thanh H2 yêu cầu bị cáo bồi thường 780.000 đồng, ông Lê H1 yêu cầu bị cáo bồi thường 1.170.000 đồng và ông Trần Văn V yêu cầu bị cáo bồi thường 807.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều

584, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền trên.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, màu đen, biển số 43X7-0458, số khung: 795407, số máy: 5403591 đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H, là cha của bị cáo. Quá trình điều tra xác định, bị cáo tự ý lấy xe sử dụng, ông H không biết việc bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại cho ông H là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với 05 thùng bia hiệu Larue, loại lon 330ml và 03 thùng bia hiệu Tiger, loại lon 250ml đã trả lại cho bị hại - ông Nguyễn T2 nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với bà Hồ Thị Bích T3 và bà Phạm Thị N là các chủ tiệm tạp hóa đã mua lại các thùng bia do bị cáo trộm cắp trong ngày 11 tháng 10 năm 2025 nhưng không biết bia do trộm cắp mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (*Chín*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 586 và 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T bồi thường cho bà Ngô Thị A số tiền 1.072.000 đồng, bồi thường cho bà Hồ Thị Thanh H2 số tiền 780.000 đồng, bồi thường cho ông Lê H1 số tiền 1.170.000 đồng và bồi thường cho ông Trần Văn V số tiền 807.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**3.** Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Phân Trại tạm giam khu vực Hải Châu;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

*Nơi nhận:*
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA. quận Liên Chiểu;
- Sở Tư pháp TP.Đà Nẵng;
- Nhà tạm giữ Công an quận Liên Chiểu;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU**
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 29 tháng 9 năm 2020
Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thanh T5
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Thanh B
Ông Trịnh Văn B1

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2020/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Lê Hoàng B2 - sinh ngày 12 tháng 8 năm 2000 tại Quảng Nam

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*
*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đúng quy trình tố tụng nên đảm bảo tính hợp pháp.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

3. Có căn cứ kết tội bị cáo Lê Hoàng B2 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Điều luật áp dụng: Điều 47, điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

4. Về mức hình phạt:

- Xử phạt Lê Hoàng B2 01 (Một) năm 03 (*Ba*) tháng tù . Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 5 năm 2020.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

5. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

6. - Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Về xử lý vật chứng: Tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong một phong bì số 1181/C09C (Đ4) bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng; 01 thẻ sim có số thuê bao 0978.412.541.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu HuaWei màu trắng; 01 xe mô tô hiệu Honda SH màu xám, BKS 92D1-491.18; 01 giấy đăng ký xe mang tên Lê Hoàng B2.

+ Tiếp tục quy trữ số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm ngàn đồng*) của Lê Hoàng B2 để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo B2 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Hoàng B2.

(*Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 9 năm 2020*)

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

7. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

8. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không.

*Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)*

Nghị án kết thúc nghị án lúc 14 giờ 40 phút, ngày 29 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## BÁO CÁO XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ
**(Xử ngày 14 tháng 7 năm 2020)**

**1.** Bị cáo Nguyễn Văn H4 - Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1989 tại Hà Tĩnh; nơi ĐKNKTT: Xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S **(***Sinh năm 1972*) và bà Lê Thị M (*Đã chết*); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21 tháng 12 năm 2011 bị UBND tỉnh H ra quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 18 tháng; bị bắt truy nã ngày 25 tháng 4 năm 2020, tạm giữ ngày 26 tháng 4 năm 2020, tạm giam ngày 29 tháng 4 năm 2020, (*Có mặt*).

**2. Nội dung vụ án:** Do là bạn bè quen biết nên vào đầu tháng 4 năm 2016, Nguyễn Văn H4 liên lạc với Lê Việt C để xin ở nhờ phòng trọ của C tại G T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiêm, do sống cùng với vợ là chị Võ Thị Cẩm H5 nên C nhờ bạn ở cùng dãy trọ là Hà Xuân V1 cho ngủ lại đêm, còn sinh hoạt, ăn uống vẫn ở phòng của vợ chồng C. Khoảng 6 giờ 00 phút ngày 13 tháng 4năm 2016, trước khi đi làm, vợ chồng C để lại chìa khóa phòng cho V1 và H4. Sau đó, V1 cũng đi làm nên để chìa khóa lại cho H4. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H4 dùng chìa khóa này mở của phòng của vợ chồng C, nhìn thấy cây đàn Organ nhãn hiệu Yamaha model S950 màu đen nên nảy sinh ý định trộm cắp. H4 lấy trộm cây đàn và gọi xe taxi đem đến tiệm C1 tại thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng tự xưng mình là Nguyễn Thanh T6 và viết giấy bán cho ông S1 với giá 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*). Sau khi bán cây đàn, H4 đón xe về quê ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh và nhắn vào điện thoại của chị H5 với nội dung: "*Tau cầm cây đàn trên quán cho thuê dàn nhạc Văn T7 11 triệu rôi, đi trung về cuối năm t trả lại cho mi*". Tuy nhiên, sau đó, H4 bỏ trốn đi làm ở nhiều địa phương khác nhau và không liên lạc với C.

Theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 05.5.2016 trị giá của cây đàn Organ nhãn hiệu Yamaha màu đen model PSR-S950 là 27.200.000đ (*Hai mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng*).

Vật chứng thu giữ: 01 (*Một*) cây đàn Organ nhãn hiệu Yamaha màu đen model PSR-S950 (*Đã trả lại cho chủ sở hữu*).

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường. Quá trình điều tra và truy tố, ông Thái Văn S1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm ngàn đồng*). Tuy nhiên, tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông S1 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên.

## QUAN ĐIỂM CỦA THẨM PHÁN

1. Tội danh:

Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

**2.** Tình tiết tăng nặng: Không

**3.** Tình tiết giảm nhẹ: các điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**4.** Đề xuất: Xử phạt 9 -12 tháng tù.

**Người báo cáo**